

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/10/2018

V/v *Kiến ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Ma Quang Nhanh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Ngọc Ngư
2. Ông: Nông Văn Thịnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Mạnh – Thư ký TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Phú Lương: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “*Kiến xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐ-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1981 (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Âu Đình D** - sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm G, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai (chị L) trình bày: Chị kết hôn với anh D vào năm 2004, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xóm G, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm vì vợ chồng không hợp nhau. Anh chị không thể tiếp tục ở với nhau được nữa. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Âu Đức D (SN 03.6.2005) hiện con đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 mảnh đất diện tích 104m² ở Bản Tràng, Chợ Mới, Bắc Kạn nhưng mảnh đất này của bố mẹ chồng cho. Sau khi ly hôn chị nhường lại quyền sử dụng thửa đất này cho anh. Vì vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018 anh Dũng khai:

Anh kết hôn với chị L vào năm 2004, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xóm G, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian chung sống bình thường không hạnh phúc lắm, vì anh đi làm thợ xây ở xã nhà cũng không có thời gian quan tâm đến vợ con. Hiện vợ chồng anh vẫn ở chung nhà, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị. Đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Âu Đức D (SN 03.6.2005). Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh không có nguyện vọng nuôi con, vì anh phải đi làm ăn xa không có điều kiện để chăm sóc con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã giao thông báo phiên hòa giải và tiến hành mở phiên hòa giải nhưng anh D không có mặt để hòa giải. Tòa án đến địa phương xác minh và được chính quyền địa phương cho biết anh Dũng có đăng ký tạm trú tại UBND xã P và vẫn thường xuyên có mặt ở nhà.

Do anh D vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa hôm nay, chị L không thay đổi ý kiến vẫn kiên quyết xin ly hôn anh D.

Đại diện VKSND Phú Lương phát biểu quan điểm: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28; 29; 35; 39; 147; 203; 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9; 53; 56; 57; 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L: Chị L được ly hôn anh D.

Về con chung: Cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, vì vậy không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L nộp đơn xin ly hôn đối với anh D, anh D có đăng ký tạm trú tại xóm G, xã P, huyện P tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào Điều 28; 35; 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của TAND huyện Phú Lương.

[2] Anh Dũng không có yêu cầu phản tố nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Dũng là phù hợp với quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[3] Chị L nộp đơn xin ly hôn với anh D vì chị L cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng phát sinh ngay từ khi mới về chung sống với nhau được một thời gian, do hai vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L có đơn xin ly hôn là phù hợp, cần chấp nhận đề nghị ly hôn của chị L đối với anh D để các bên tạo lập cuộc sống riêng theo quy định tại điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung là Âu Đức D (SN 03.6.2005). Chị L có nguyện vọng đề nghị nuôi 01 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung, anh D cũng không có yêu cầu được nuôi con chung. Vì vậy cần giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, anh D được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định có 104,1m² đất của bố mẹ chồng cho nhưng phần tài sản này sau khi ly hôn chị nhường quyền cho anh quản lý sử dụng, vì vậy chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định là không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28; 29; 35; 39; 147; 203; 228 và 273 của BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; 53; 56; 57; 58 và 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Âu Đình D.
2. Về con chung: Giao con chung là Âu Đức D, (SN 03.6.2005) cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung đối với anh Âu Đình D. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung.
3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018288 ngày 18/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKS Phú Lương

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA Phú Lương
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

Ma Quang Nhanh